

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

<b>SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN</b>	
TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: 27464
	Giờ: Ngày 13 tháng 8 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,447,203,056,062</b>	<b>1,180,827,088,551</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>66,281,708,165</b>	<b>126,419,394,330</b>
1. Tiền	111		66,281,708,165	103,419,394,330
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	23,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>71,971,200,360</b>	<b>37,562,972,164</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	71,971,200,360	37,562,972,164
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>549,023,569,511</b>	<b>345,314,077,746</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	435,933,905,599	333,366,537,831
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	108,194,978,200	12,922,329,731
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	7,422,924,252	3,056,076,828
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,528,238,540)	(4,030,866,644)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>717,610,598,352</b>	<b>642,317,455,278</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	747,553,018,681	657,405,301,010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(29,942,420,329)	(15,087,845,732)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>42,315,979,674</b>	<b>29,213,189,033</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1,326,625,629	821,149,166
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18,714,254,734	15,975,180,965
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	1,424,224,821	537,381,441
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	20,850,874,490	11,879,477,461

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>664,564,648,257</b>	<b>641,259,325,478</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>587,195,661,398</b>	<b>588,797,962,752</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	520,397,408,922	527,681,392,368
<i>Nguyên giá</i>	222		756,115,516,866	722,995,848,063
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(235,718,107,944)	(195,314,455,695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	47,973,646,378	48,226,156,602
<i>Nguyên giá</i>	228		49,693,587,301	49,692,887,301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,719,940,923)	(1,466,730,699)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	18,824,606,098	12,890,413,782
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>77,368,986,859</b>	<b>52,461,362,726</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	49,471,773,107	27,180,901,134
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	10,076,700,030	8,848,344,103
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	17,820,513,722	16,432,117,489
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,111,767,704,319</b>	<b>1,822,086,414,029</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>937,131,045,124</b>	<b>836,972,067,754</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>852,095,965,063</b>	<b>746,457,409,480</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	487,208,253,841	352,351,393,210
2. Phải trả người bán	312	V.19	113,489,880,664	99,195,986,814
3. Người mua trả tiền trước	313		4,055,429,767	577,547,162
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	30,374,179,329	33,391,496,069
5. Phải trả người lao động	315	V.21	22,211,578,353	30,177,526,068
6. Chi phí phải trả	316	V.22	1,852,082,732	7,933,634,694
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	124,456,212,605	168,538,948,671
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		34,550,000,000	34,550,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	33,898,347,772	19,740,876,792
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>85,035,080,061</b>	<b>90,514,658,274</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	82,942,312,000	88,869,872,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	2,092,768,061	1,644,785,581
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,113,868,450,584</b>	<b>936,000,963,008</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,113,868,450,584</b>	<b>936,000,963,008</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	471,512,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	190,492,000,000	191,808,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(36,897,215,355)	(32,725,310,618)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.28	356,841,092	1,799,344,642
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.28	136,774,604	136,774,604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	488,267,320,243	303,469,424,380
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>60,768,208,611</b>	<b>49,113,383,267</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,111,767,704,319</b>	<b>1,822,086,414,029</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1,842,759.10	5,656,325.53
Euro (EUR)		456.42	438.09
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 08 năm 2011



  
Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

QUÝ II/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		
		Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	931,430,906,032	793,601,418,313	1,867,644,757,922	1,477,092,671,272
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	7,734,337,202	334,123,094	7,786,594,277	931,412,213
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	923,696,568,830	793,267,295,219	1,859,858,163,645	1,476,161,259,059
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	722,613,649,723	657,368,828,496	1,501,228,185,864	1,224,169,723,803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VL.3	201,082,919,107	135,898,466,723	358,629,977,781	251,991,535,256
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	39,483,990,990	10,926,426,369	68,814,049,093	33,765,661,440
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	33,719,877,128	15,187,648,178	57,779,051,042	35,746,816,543
Trong đó: chi phí lãi vay	23	VL.4	17,981,680,821	10,856,410,051	33,233,840,027	22,587,454,346
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	42,810,314,347	35,421,375,142	85,385,118,774	94,411,437,369
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	12,157,250,119	15,534,772,392	23,616,719,038	26,402,807,802
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	VL.7	151,879,468,503	80,681,097,380	260,663,138,020	129,196,134,982
11. Thu nhập khác	31	VL.7	(175,012,262)	476,965,761	421,698,149	1,579,842,226
12. Chi phí khác	32	VL.8	1,239,388,008	35,287,120	2,732,948,841	133,542,970
13. Lợi nhuận khác	40	VL.8	(1,414,400,270)	441,678,641	(2,311,250,692)	1,446,299,256
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VL.9	150,465,068,233	81,122,776,021	258,351,887,328	130,642,434,238
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	24,256,259,063	13,816,663,384	42,441,771,957	23,505,976,173
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16	(1,078,580,239)	1,062,602,330	(1,228,355,927)	(1,376,598,528)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VL.9	127,287,389,409	66,243,510,307	217,138,471,298	108,513,056,593
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	VL.9	5,133,952,700	1,056,130,879	12,132,073,736	1,639,707,835
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VL.9	122,153,436,709	65,187,379,428	205,006,397,562	106,873,348,758
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	2,658	1,374	4,461	2,994



Nguyễn Thị Kim Đào

Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

ĐỒNG THÁP, ngày 19 tháng 08 năm 2011



Trương Thị Lệ Khanh

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ II/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		258,351,887,328	130,642,434,237
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	40,494,748,573	35,269,674,387
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	12,992,975,377	(5,353,933,210)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	156,173,310	3,772,368,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(18,544,377,139)	(1,905,276,645)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	33,233,840,027	22,587,454,346
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		326,685,247,476	185,012,721,115
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(228,617,115,898)	29,436,777,798
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(75,293,143,074)	(91,405,489,381)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(36,896,124,715)	7,846,132,275
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(22,265,340,254)	838,474,516
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4	(28,401,377,236)	(22,591,604,463)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(46,020,387,033)	(21,131,658,627)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		89,350,000	764,950,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6,733,795,830)	(7,611,998,676)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(117,452,686,564)</b>	<b>81,158,304,557</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14, VII	(51,006,832,780)	(50,721,047,002)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	14,979,459	65,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37,113,065,763)	(53,063,696,835)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,704,837,567	1,110,045,693
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	20,067,407,949	2,227,911,824
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(65,332,673,568)</b>	<b>(100,381,786,320)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	-	126,960,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.28	(5,487,904,737)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18, V.26	1,004,862,841,234	325,392,356,135
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18, V.26	(875,933,541,296)	(507,629,504,007)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(3,451,166,719)	(25,850,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>119,990,228,482</b>	<b>(55,302,997,872)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(62,795,131,650)</b>	<b>(74,526,479,635)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>126,419,394,330</b>	<b>209,967,674,177</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,657,445,485	551,848,210
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>66,281,708,165</b>	<b>135,993,042,752</b>



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 19 tháng 08 năm 2011

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý II/2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
4. **Tổng số các công ty con** : 02  
*Trong đó:*  
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 02

#### 5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vinh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 3. **Hợp nhất kinh doanh**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### 4. **Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 5. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 6. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 7. **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

#### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

##### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

#### 11. Chi phí phải trả

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

### 14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

### 15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

### 16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
31/03/2011 : 20.618 VND/USD

#### **19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	3.431.317.670	4.991.498.222
Tiền gửi ngân hàng	62.850.390.495	87.041.765.338
Tiền đang chuyển		11.386.130.770
Các khoản tương đương tiền (*)		23.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>66.281.708.165</b>	<b>126.419.394.330</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	35.252.822.178	32.197.256.415
Cho Công ty TNHH MTV CBTP XK Vạn Đức		
Tiền Giang vay	31.057.500.000	
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	5.660.878.182	5.365.715.749
<b>Cộng</b>	<b>71.971.200.360</b>	<b>37.562.972.164</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 32.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	180.592.522.982	149.395.587.811
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	99.975.524.619	36.854.446.317
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	155.365.857.998	147.116.503.703
<b>Cộng</b>	<b><u>435.933.905.599</u></b>	<b><u>333.366.537.831</u></b>

Khoản phải thu khách hàng có giá trị tương đương 85 tỷ đồng đã được đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

**4. Trả trước người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	101.721.507.404	12.808.234.185
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	6.473.470.796	114.095.546
<b>Cộng</b>	<b><u>108.194.978.200</u></b>	<b><u>12.922.329.731</u></b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	552.600.000	2.066.879.098
Các khoản phải thu khác	6.870.324.252	989.197.730
<b>Cộng</b>	<b><u>7.422.924.252</u></b>	<b><u>3.056.076.828</u></b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường	20.721.600.000	192.983.833.928
Nguyên liệu, vật liệu	229.171.441.074	158.607.701.186
Công cụ, dụng cụ	3.310.800.849	2.591.995.474
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	267.890.746.988	207.797.886.346
Thành phẩm	224.337.827.500	83.491.197.528
Hàng hóa	1.015.796.899	486.130.764
Hàng gửi đi bán	1.104.805.371	11.446.555.784
<b>Cộng</b>	<b><u>747.553.018.681</u></b>	<b><u>657.405.301.010</u></b>

Một số nguyên vật liệu có giá trị 165 tỷ đồng đã được đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.555.620.488	337.367.454
Công cụ, dụng cụ	32.096.725	22.003.532
Thành phẩm	27.354.703.116	14.728.474.746

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>		
<b>Cộng</b>	<b>29.942.420.329</b>		<b>15.087.845.732</b>		
<b>9. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>					
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:					
Số đầu kỳ	821.149.166				
Tăng trong kỳ	1.715.800.869				
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.210.324.406)				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.326.625.629</b>				
<b>10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>					
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>		
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-		5.684.687		
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	1.424.224.821		531.696.754		
<b>Cộng</b>	<b>1.424.224.821</b>		<b>537.381.441</b>		
<b>11. Tài sản ngắn hạn khác</b>					
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>		
Tạm ứng	20.103.843.939		11.190.533.994		
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	747.030.551		688.943.467		
<b>Cộng</b>	<b>20.850.874.490</b>		<b>11.879.477.461</b>		
<b>12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	281.924.894.926	422.398.368.510	16.285.634.584	2.386.950.043	722.995.848.063
Tăng trong kỳ	4.606.075.611	26.981.714.336	1.427.564.135	119.294.180	33.134.648.262
Mua sắm mới	2.242.212.500	20.472.885.115	-	-	24.197.878.792
Đầu tư XD CB hoàn thành		6.508.829.221			6.508.829.221
Tăng khác	2.363.863.111			64.077.138	2.427.940.249
Giảm trong kỳ		(14.979.459)			(14.979.459)
Thanh lý, nhượng bán		(14.979.459)	-	-	(14.979.459)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>286.530.970.537</b>	<b>449.365.103.387</b>	<b>17.713.198.719</b>	<b>2.506.244.223</b>	<b>756.115.516.866</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.220.059.585	21.694.195.685	891.183.056	344.261.034	25.149.699.360
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	37.430.970.248	150.953.454.892	5.847.268.087	1.082.762.468	195.314.455.695
Tăng trong kỳ	9.171.921.567	29.542.292.491	1.402.276.921	288.409.558	40.304.900.537
Khấu hao trong kỳ	9.024.180.169	29.542.292.491	1.402.276.921	272.788.768	40.241.538.349
Tăng khác	147.741.398			15.620.790	163.362.188
Giảm trong kỳ		(1.248.288)			(1.248.288)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(1.248.288)			(1.248.288)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>46.602.891.815</b>	<b>180.494.499.095</b>	<b>7.249.545.008</b>	<b>1.371.172.026</b>	<b>235.718.107.944</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	244.493.924.678	271.444.913.618	10.438.366.497	1.304.187.575	527.681.392.368
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>239.928.078.722</b>	<b>268.870.604.292</b>	<b>10.463.653.711</b>	<b>1.135.072.197</b>	<b>520.397.408.922</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 335.750.738.229 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	48.943.591.501	749.295.800	49.692.887.301
Mua trong kỳ	700.000	-	700.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>48.944.291.501</b>	<b>749.295.800</b>	<b>49.693.587.301</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	126.500.596	126.500.596
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	994.510.321	472.220.378	1.466.730.699
Khấu hao trong kỳ	190.930.704	62.279.520	253.210.224
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.185.441.025</b>	<b>534.499.898</b>	<b>1.719.940.923</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	47.949.081.180	277.075.422	48.226.156.602
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>47.758.850.476</b>	<b>214.795.902</b>	<b>47.973.646.378</b>

Quyền sử dụng đất có nguyên giá là 22.568.847.901 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua tài sản cố định	5.610.388.946	4.829.653.218	(6.508.829.221)	3.931.212.943
Xây dựng cơ bản dở dang	7.280.024.836	8.144.376.501	(531.008.182)	14.893.393.155
Công trình nhà	75.386.075	-	-	75.386.075

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>xương số 1</i>				
Công trình nhà	1.920.571.250	387.450.952	-	2.308.022.202
<i>xương số 3</i>				
Chi phí đào ao nuôi cá	3.453.548.173	5.254.329.399	-	8.707.877.572
Các công trình khác	1.830.519.338	2.502.596.150	(531.008.182)	3.802.107.306
<b>Cộng</b>	<b>12.890.413.782</b>	<b>12.974.029.719</b>	<b>(7.039.837.403)</b>	<b>18.824.606.098</b>

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	9.257.878.803	4.391.970.941	(2.090.238.796)	11.559.610.948
Tiền thuê đất	17.923.022.331	21.835.512.955	(1.846.373.127)	37.912.162.159
<b>Cộng</b>	<b>27.180.901.134</b>	<b>26.227.483.896</b>	<b>(3.936.611.923)</b>	<b>49.471.773.107</b>

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu kỳ	8.848.344.103
Phát sinh trong kỳ	1.228.355.927
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.076.700.030</b>

**17. Tài sản dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ dài hạn.

**18. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	482.708.253.841	346.351.393.210
- Vay Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam <sup>(a)</sup>	118.032.149.964	29.400.329.580
- Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(b)</sup>	196.676.103.877	118.151.063.630
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(c)</sup>	168.000.000.000	198.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	4.500.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>487.208.253.841</b>	<b>352.351.393.210</b>

<sup>(a)</sup> Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động của công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho và các khoản phải thu<sup>(b)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(c) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, một số công trình trên đất thuộc XN2, XN3 và khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	346.351.393.210	1.004.862.841.234	5.927.560.693	(874.433.541.296)	482.708.253.841
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-	-	(1.500.000.000)	4.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>352.351.393.210</b>	<b>1.004.862.841.234</b>	<b>5.927.560.693</b>	<b>(875.933.541.296)</b>	<b>487.208.253.841</b>

**19. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tại Công ty cổ phần Vinh Hoàn	63.877.654.114	60.502.117.769
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1	49.506.043.850	38.443.228.295
Tại Công ty cổ phần Vinh Hoàn (Hoa Kỳ)	106.182.700	250.640.750
<b>Cộng</b>	<b>113.489.880.664</b>	<b>99.195.986.814</b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa		1.242.639.066	(1.242.639.066)	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(5.684.687)	15.769.091.363	(15.756.215.342)	7.191.334
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(531.696.754)	5.500.363.588	(6.392.891.655)	(1.424.224.821)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.105.222.039	42.631.124.069	(46.020.387.033)	29.715.959.075
Thuế thu nhập cá nhân	286.274.030	1.515.765.867	(1.151.010.977)	651.028.920
Thuế nhà đất	-	386.399.989	(386.399.989)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>32.854.114.628</b>	<b>67.051.383.942</b>	<b>(70.955.544.062)</b>	<b>28.949.954.508</b>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

**Thuế giá trị gia tăng**

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

**Các loại thuế khác**

Các Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**21. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

**22. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí phải trả cho luật sư	-	4.545.261.990
Chi phí khác	1.852.082.732	3.388.372.704
<b>Cộng</b>	<b><u>1.852.082.732</u></b>	<b><u>7.933.634.694</u></b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Kinh phí công đoàn	2.075.904.061	1.693.839.082
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	955.668.196	554.638.042
Cổ tức phải trả	45.400.000	45.400.000
Tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	118.429.367.401	164.982.218.437
Các khoản phải trả khác	2.949.872.947	1.262.853.110
<b>Cộng</b>	<b><u>124.456.212.605</u></b>	<b><u>168.538.948.671</u></b>

**24. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến năm thứ 7 và năm thứ 8.

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu kỳ	19.740.876.792
Trích quỹ trong kỳ	20.801.916.810
Chi quỹ trong kỳ	<u>(6.644.445.830)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>33.898.347.772</u></b>

**26. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(a)</sup>	19.200.000.000	23.627.560.693
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(b)</sup>	63.742.312.000	65.242.312.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Cộng</b>	<b>82.942.312.000</b>	<b>88.869.872.693</b>
(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bằng VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng và quyền sử dụng đất của khu đất 17.186,5 m <sup>2</sup> .		
(b) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.		
<b>Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:</b>		
Từ 01 năm trở xuống	4.500.000.000	
Trên 01 năm đến 05 năm	82.942.312.000	
<b>Tổng nợ</b>	<b>87.442.312.000</b>	
<b>27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm</b>		
Số đầu kỳ	1.644.785.581	
Số trích lập trong kỳ	573.097.480	
Số chi trong kỳ	(125.115.000)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.092.768.061</b>	
<b>28. Vốn chủ sở hữu</b>		
<b>Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>		
Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.		
<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.098.353	46.098.353
- Cổ phiếu phổ thông	46.098.353	46.098.353
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(145.830)	-
- Cổ phiếu phổ thông	(145.830)	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		
<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>		
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.		

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.867.644.757	1.477.092.671.272
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	83.976.646.707	280.828.208.515
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.453.584.709.574	1.025.183.253.222
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	20.326.636.027	38.889.171
- <i>Doanh thu nguyên vật liệu</i>	121.715.666.645	16.973.395.278
- <i>Doanh thu phế phẩm</i>	188.041.098.969	154.068.925.086
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(7.786.594.277)	(931.412.213)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(67.191.505)	(97.123.445)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(7.719.402.772)	(834.288.768)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.859.858.163.645</b>	<b>1.476.161.259.059</b>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	82.983.849.542	280.823.525.947
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	1.446.790.912.462	1.024.256.523.577
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	20.326.636.027	38.889.171
- <i>Doanh thu thuần nguyên vật liệu</i>	121.715.666.645	16.973.395.278
- <i>Doanh thu thuần phế phẩm</i>	188.041.098.969	154.068.925.086

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	46.618.480.455	258.265.469.291
Giá vốn của thành phẩm	1.179.096.045.505	831.838.358.379
Giá vốn của nguyên vật liệu	115.136.368.833	15.279.000.275
Giá vốn của phế phẩm	151.522.716.474	126.414.747.755
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.854.574.597	(7.627.851.897)
<b>Cộng</b>	<b>1.501.228.185.864</b>	<b>1.224.169.723.803</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.927.850.017	996.115.991
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	332.168.924	412.951.103
Lãi cho vay	623.223.543	904.095.833
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	665.888.572	1.862.535.422
Lãi bán hàng trả chậm	4.032.636.132	5.644.539.569
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.232.281.905	23.945.423.522
<b>Cộng</b>	<b>68.814.049.093</b>	<b>33.765.661.440</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

4.	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	Lãi tiền vay	33.233.840.027	22.587.454.346
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	156.173.310	3.772.368.000
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.389.037.705	9.386.994.197
	<b>Cộng</b>	<b>57.779.051.042</b>	<b>35.746.816.543</b>
5.	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	Chi phí nhân viên	2.292.791.713	2.210.265.331
	Chi phí dụng cụ, đồ dùng	254.101.000	50.720.919
	Chi phí khấu hao TSCĐ	64.697.443	40.315.890
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.215.462.020	63.580.271.823
	Chi phí khác	35.358.066.598	28.529.863.406
	<b>Cộng</b>	<b>85.385.118.774</b>	<b>94.411.437.369</b>
6.	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	Chi phí nhân viên	10.833.598.623	8.575.899.156
	Chi phí dụng cụ, đồ dùng	490.569.464	272.171.372
	Chi phí khấu hao TSCĐ	2.871.073.872	1.617.286.627
	Thuế, phí và lệ phí	1.093.637.339	275.251.570
	Chi phí dự phòng	(1.854.627.667)	2.271.107.933
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.015.752.873	1.952.417.287
	Chi phí khác	8.166.714.534	11.438.673.857
	<b>Cộng</b>	<b>23.616.719.038</b>	<b>26.402.807.802</b>
7.	<b>Thu nhập khác</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	65.000.000
	Thu nhập khác	421.698.149	1.514.842.226
	<b>Cộng</b>	<b>421.698.149</b>	<b>1.579.842.226</b>
8.	<b>Chi phí khác</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	59.935.179
	Chi phí khác	2.732.948.841	73.607.791
	<b>Cộng</b>	<b>2.732.948.841</b>	<b>133.542.970</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	205.006.397.562	106.873.707.835
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.955.326	35.694.099
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.461</b>	<b>2.994</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm nay</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	46.098.353
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(143.027)
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>45.955.326</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	4.864.413.013	1.265.153.137
Ứng trước mua tài sản cố định	25.175.925.555	7.742.441.410

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Hội đồng quản trị và Ban điều hành</i></b>		
Mua nguyên liệu	21.319.371.440	15.027.266.150
Bán hàng hóa	115.437.661	85.820.563
<b><i>Các cá nhân có liên quan</i></b>		
Mua nguyên liệu	11.108.071.100	12.933.191.700
Bán hàng hóa	395.769.521	191.566.063

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	6.995.754.189	5.613.467.744
Các cá nhân có liên quan	9.729.795.700	93.385.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>16.725.549.889</b>	<b>5.706.852.744</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	10.304.633.600	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>10.304.633.600</b>	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 3.565.307.000 VND (kỳ trước là 2.342.084.000 VND).

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	11.319.305.922	210.977.578.117
Bán hàng hóa, dịch vụ	3.132.926.883	2.483.930.954
Bán thành phẩm	9.162.580.363	9.131.609.375
Ủy thác xuất khẩu	6.117.871.482	-
Nhận ủy thác xuất khẩu	47.932.445.105	-
<b>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>		
Cung cấp dịch vụ	16.911.363.803	-
Bán nguyên vật liệu	2.204.884.630	-
Nhận ủy thác xuất khẩu	244.266.086.870	-
Cho vay ngắn hạn	31.057.500.000	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	14.633.380.134	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Phải thu tiền hàng và cung cấp dịch vụ	-	879.294.941
Phải thu tiền ủy thác xuất khẩu	6.117.871.482	-
<b>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>		
Phải thu tiền hàng và cung cấp dịch vụ	5.611.237.917	5.343.401.273
Phải thu tiền cho vay	31.057.500.000	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>42.786.609.399</b>	<b>6.222.696.214</b>
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Phải trả tiền nhận ủy thác xuất khẩu	13.125.777.985	65.161.572.388
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	4.752.867.000	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền nhận ủy thác xuất khẩu	105.303.589.416	99.820.646.049
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>123.182.234.401</b>	<b>164.982.218.437</b>

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 08 năm 2011



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp  
**BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	325,680,000,000	92,448,000,000	-	861,407,971	136,774,604	223,193,216,695	642,319,399,270
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(15,526,034,445)	(15,526,034,445)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	937,936,671	-	-	937,936,671
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	9,422,100,000	-	-	-	-	(9,422,100,000)	-
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	108,810,630,000	-	-	-	-	(108,810,630,000)	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	27,600,000,000	99,360,000,000	-	-	-	-	126,960,000,000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(32,725,310,618)	-	-	-	(32,725,310,618)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	214,034,972,130	214,034,972,130
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>471,512,730,000</b>	<b>191,808,000,000</b>	<b>(32,725,310,618)</b>	<b>1,799,344,642</b>	<b>136,774,604</b>	<b>303,469,424,380</b>	<b>936,000,963,008</b>
Số dư đầu năm nay	471,512,730,000	191,808,000,000	(32,725,310,618)	1,799,344,642	136,774,604	303,469,424,380	936,000,963,008
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(20,208,501,699)	(20,208,501,699)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	(1,442,503,550)	-	-	(1,442,503,550)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(1,316,000,000)	-	-	-	-	(1,316,000,000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4,171,904,737)	-	-	-	(4,171,904,737)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	205,006,397,562	205,006,397,562
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	356,841,092	-	-	356,841,092
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>471,512,730,000</b>	<b>190,492,000,000</b>	<b>(36,897,215,355)</b>	<b>356,841,092</b>	<b>136,774,604</b>	<b>488,267,320,243</b>	<b>1,113,868,450,584</b>



Đồng Tháp, ngày 19 tháng 08 năm 2011

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Thị Kim Đào  
 Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh  
 Tổng Giám đốc